

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 73/2019/DS-PT

Ngày: 26 - 3 - 2019

V/v tranh chấp thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cao Khánh

Các Thẩm phán:

Bà Hoàng Thị Hải Hà

Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2018/TLPT-DS ngày 30 tháng 10 năm 2018 về việc “Tranh chấp thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 119/2018/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 103/2019/QĐ-PT ngày 31 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị D, sinh năm 1964 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Lê Hữu N, sinh năm 1984 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh C.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Ngô Thị V, sinh năm 1969;
Địa chỉ: Ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh C (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị O, sinh năm 1960 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C.

2. Bà Lê Thị Q, sinh năm 1962 (Có mặt);

3. Bà Ngô Thu T, sinh năm 1965 (Vắng mặt);

4. Bà Ngô Thị V, sinh năm 1969 (Có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh C.

5. Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh C (Có đơn xin vắng mặt).

- Người kháng cáo: Bà Lê Thị D – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị D trình bày: Cha bà tên Lê Văn H (chết năm 2016), mẹ bà tên Trần Thị Tr (chết năm 1980), cha mẹ bà có tất cả 03 người con chung gồm: Lê Thị O, Lê Thị Q và Lê Thị D. Sau khi mẹ bà chết, năm 1983 cha bà chung sống với bà Châu Thị M (bà M chết năm 2011), cha bà với bà M có 01 người con chung tên Lê Hữu N. Khi cha bà sống với bà M thì bà M đã có 02 người con riêng tên là Ngô Thu T, Ngô Thu V.

Lúc còn sống, cha mẹ bà không có tạo lập được khối tài sản chung nào, đối với phần đất thửa số 27, tờ bản đồ 07, tọa lạc tại ấp Tân Trung, xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau là tài sản riêng của cha bà. Về nguồn gốc đất cha bà có được là do trước đó năm 1975 cha bà nhận chuyển nhượng của ông Lê Phát Tân phần đất ruộng có diện tích 01 công 2 góc 3; đến năm 1993 cha bà chuyển nhượng lại phần đất này cho ông Trần Văn Nhân; cùng năm 1993 sau khi có tiền từ việc chuyển nhượng đất cho ông Nhân, cha bà nhận chuyển nhượng phần đất của ông Nguyễn Công Thương, phần đất hiện nay thuộc thửa số 27, tờ bản đồ 07 mà nay cha bà chết để lại.

Theo đo đạc thực tế thì phần đất này có diện tích 1.306,3m² do cha bà đứng tên mục kê địa chính, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trên phần đất còn có căn nhà Đại đoàn kết do nhà nước tặng cho ông H và bà M cách nay khoảng 10 năm, hiện nay căn nhà đã hư hỏng, không còn giá trị và căn nhà của bà V do bà V ở nhờ trên đất.

Do phần đất này là tài sản riêng của cha bà, không phải tài sản chung của cha bà với bà M, cha bà chết không để lại di chúc, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia thừa kế theo pháp luật cho Lê Thị D, Lê Thị O, Lê Thị Q, Lê Hữu N. Đối với phần căn nhà Đại đoàn kết do hiện nay bà đang ở quản lý thờ cúng cha mẹ nên bà yêu cầu được nhận để ở và tiếp tục thờ cúng cha mẹ. Đối với căn nhà của bà Ngô Thu V, nếu nhà bà V cất trên phần đất bà được phân chia thì bà yêu cầu bà V phải tháo dỡ di dời, ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn, bà Ngô Thị V trình bày: Thừa nhận lời trình bày của bà D về mối quan hệ qua đình. Tuy nhiên về nguồn gốc đất thuộc thửa số 27, tờ bản đồ 07, tọa lạc tại ấp Tân Trung, xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau là tài sản chung của ông H và bà M tạo lập được vào năm 1993 do nhận chuyển nhượng lại từ ông Trần Văn Lợi, không phải là tài sản riêng của ông H như bà D trình bày. Do ông H và bà M chết không để lại di chúc nên đại diện hợp pháp của bị đơn đồng ý phân chia phần di sản do ông H chết để lại theo quy định của pháp luật, riêng đối với căn nhà Đại đoàn kết đại diện bị đơn yêu cầu cho anh N được nhận để thờ cúng cha mẹ. Đối với phần di sản do bà M chết để lại bà V, bà T, anh N tự phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Lê Thị O, bà Lê Thị Q trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà Lê

Thị D. Nếu giải quyết cho bà O, bà Q được nhận phần di sản do ông H để lại thì bà O, bà Q đồng ý nhận đồng thời tặng cho lại bà D bởi hiện tại do bà D có điều kiện kinh tế gia đình khó khăn.

Bà Ngô Thu T, bà Ngô Thị V trình bày: Thống nhất với lời trình bày của người đại diện hợp pháp của bị đơn, không trình bày bổ sung gì thêm.

Ủy ban nhân dân thành phố C không ý kiến đối với nội dung tranh chấp của các đương sự.

Từ nội dung tranh chấp trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số: 119/2018/DS-ST ngày 13/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau đã quyết định:

Căn cứ các Điều 649, 651, Điều 660 Bộ luật dân sự; Điều 100 Luật đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc H quy định án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của Lê Thị D về việc yêu cầu phân chia di sản thừa kế của ông Lê Văn H đối với phần đất diện tích 653,15m² thuộc một phần của thửa 27 tờ bản đồ 07 tọa lạc tại ấp Tân Trung, xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau, cụ thể:

Bà Lê Thị D được thừa hưởng phần đất có diện tích 489,87m² thuộc một phần của thửa 27 tờ bản đồ 07 tọa lạc tại ấp Tân Trung, xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau, có cạnh tiếp giáp phần đất ông Nguyễn Văn Diễm từ tiền đến hậu dài 74,68m và căn nhà Đại đoàn kết có diện tích 49,2m² (kích thước 4m x 12,3m) tọa lạc trên phần đất được hưởng;

Ông Lê Hữu N được thừa hưởng phần đất có diện tích 163,29m² thuộc một phần của thửa 27 tờ bản đồ 07 tọa lạc tại ấp Tân Trung, xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau, có cạnh dài từ tiền đến hậu đất tiếp giáp với phần đất và căn nhà Đại đoàn kết trên đất bà Lê Thị D được thừa hưởng. (Có kèm theo kết quả đo đạc địa chính thửa đất).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trường hợp thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 28/9/2018, bà Lê Thị D kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Theo đó, xác định phần đất tranh chấp là tài sản riêng của ông Lê Văn H và chia di sản ra thành 04 phần cho bà, bà O, bà Q và ông N được hưởng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị D giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, H đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị H đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 119/2018/DS-ST ngày 13/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị D thấy rằng, lúc còn sống ông Lê Văn H có hai người vợ, người vợ thứ nhất tên Trần Thị Tr , bà Tr chết năm 1980. Đến năm 1983, ông H lập gia đình với người vợ thứ hai tên Châu Thị M.

Phần đất tranh chấp giữa các đương sự có nguồn gốc do vợ chồng ông Nguyễn Văn Luận sang nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Công Thường vào năm 1972. Đến năm 1992, ông Nguyễn Công Thường sang nhượng lại toàn bộ cho ông Trần Văn Lợi (là chồng của bà Ngô Thu T). Việc sang nhượng đất giữa các bên được thể hiện bằng giấy tay (bút lục 87). Sau khi nhận chuyển nhượng từ ông Thường, ông Lợi đã chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông H $\frac{1}{2}$ diện tích. Tuy việc sang nhượng giữa ông Lợi và vợ chồng ông H không được thể hiện bằng văn bản nhưng ông H đã đăng ký sổ mục kê ruộng đất từ năm 1994, thời kỳ hôn nhân với bà M. Bên cạnh đó, phía nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ để chứng minh phần đất tranh chấp là tài sản riêng của ông H. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần đất tranh chấp là tài sản chung của ông H và bà M là có cơ sở.

[2] Theo kết quả đo đạc của Trung tâm kỹ thuật – công nghệ - quan trắc tài nguyên và môi trường thì phần đất tranh chấp có diện tích thực tế là 1.306,3m² thuộc thửa 27, tờ bản đồ 07, tọa lạc tại ấp Tân Trung, xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Do phần đất là tài sản chung của ông H và bà M, nên ông H và bà M mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ diện tích đất (tức mỗi người được hưởng phần đất có diện tích 653,15m²).

Bà M chết vào năm 2011, không để lại di chúc, nên phần di sản của bà M đã phát sinh quyền thừa kế đối với ông H, bà Ngô Thu T, bà Ngô Thị V (các con riêng của bà M) và ông Lê Hữu N (con chung của bà M và ông H). Do khi còn sống, ông H không yêu cầu phân chia thừa kế đối với phần di sản của bà M, đến năm 2016 ông H chết nên đã không còn phát sinh quyền được hưởng di sản của bà M. Do các con của bà M là bà V, bà T và ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản của bà M nên cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp.

Ông H chết vào năm 2016, không để lại di chúc, nên phần di sản của ông H đã phát sinh quyền thừa kế đối với bà Lê Thị D, bà Lê Thị O, bà Lê Thị Q (các con chung của ông H và bà Tr) và ông N mỗi người được hưởng $\frac{1}{4}$ di sản của ông H, tức mỗi người được hưởng phần đất có diện tích 163,29m².

Do bà O và bà Q tự nguyện tặng cho phần di sản của mình cho bà D nên cấp sơ thẩm ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp. Như vậy, tổng diện tích bà D được nhận là 489,87m².

[3] Ngoài phần đất nêu trên, ông H và bà M còn có một căn nhà Đại đoàn kết được xây dựng trên phần đất tranh chấp. Các đương sự đều thống nhất căn nhà hiện không còn giá trị sử dụng, ông N có đóng góp tiền để xây dựng căn nhà, nhưng hiện nay do ông N đi làm ăn xa nên bà D là người trực tiếp quản lý để thờ cúng cha, mẹ. Vì vậy, cấp sơ thẩm giao căn nhà và phần đất có căn nhà cho bà D trực tiếp quản lý, sử dụng, ông N được nhận phần đất không có căn nhà, giáp với phần đất mà bà D được nhận là phù hợp.

[4] Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên H đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[5] Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc H quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 119/2018/DS-ST ngày 13/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của Lê Thị D về việc yêu cầu phân chia di sản thừa kế của ông Lê Văn H đối với phần đất diện tích 653,15m² thuộc một phần của thửa 27 tờ bản đồ 07 tọa lạc tại ấp Tân Trung, xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau, cụ thể:

Bà Lê Thị D được thừa hưởng phần đất có diện tích 489,87m² thuộc một phần của thửa 27 tờ bản đồ 07 tọa lạc tại ấp Tân Trung, xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau, có cạnh tiếp giáp phần đất ông Nguyễn Văn Điểm từ tiền đến hậu dài 74,68m và căn nhà Đại đoàn kết có diện tích 49,2m² (kích thước 4m x 12,3m) tọa lạc trên phần đất được hưởng.

Ông Lê Hữu N được thừa hưởng phần đất có diện tích 163,29m² thuộc một phần của thửa 27 tờ bản đồ 07 tọa lạc tại ấp Tân Trung, xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau, có cạnh dài từ tiền đến hậu đất tiếp giáp với phần đất và căn nhà Đại đoàn kết trên đất bà Lê Thị D được thừa hưởng.

(Kèm theo kết quả đo đạc địa chính thửa đất).

2. Về chi phí tố tụng và án phí:

Buộc ông Lê Hữu N có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Lê Thị D chi phí đo đạc là 1.197.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị D phải chịu 3.187.500 đồng. Ngày 17/10/2017, bà D đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003832 tại Chi cục

thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đối trừ, bà D phải nộp tiếp số tiền 2.887.500 đồng;

Ông Lê Hữu N phải chịu án phí 1.062.500 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị D phải chịu 300.000 đồng. Ngày 01/10/2018, bà D đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001439 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được đối trừ chuyển thu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đỗ Cao Khánh